

**CÔNG TY TNHH BAO BÌ BOWEN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAO BÌ BOWEN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BOWEN VIỆT NAM PACKAGING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BOWEN VIỆT NAM PACKAGING CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110781701

**3. Ngày thành lập:** 12/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

BT6-Lô B3 Khu Đô Thị mới Hạ Đình, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 056.578.8688

Fax:

Email: [services@Bowen.vn](mailto:services@Bowen.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 6.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 7.  | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                          | 1610        |
| 8.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                       | 1621        |
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 10. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4785        |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 13. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632        |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Logistics                                | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Bán buôn bao bì; Bán buôn bông, tơ, xơ, sợi dệt và nguyên phụ liệu ngành dệt may.                                            | 4669 |
| 17. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                | 4641 |
| 18. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Mua bán trang thiết bị dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng đạn thể dục, thể thao, vũ khí thô sơ), thiết bị bảo trì sân golf.                | 4763 |
| 19. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4771 |
| 20. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                    | 8292 |
| 21. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ | 4784 |
| 22. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4761 |
| 23. | Sản xuất bao bì bằng gỗ<br>Chi tiết: Sản xuất và gia công bao bì bằng gỗ.                                                                                                                                                           | 1623 |
| 24. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất và gia công bao bì giấy (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy).                                                                         | 1709 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                | 8299 |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4741 |
| 27. | Hoạt động viễn thông khác                                                                                                                                                                                                           | 6190 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                     | 6209 |
| 29. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                 | 6202 |
| 30. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa<br>Loại trừ: chế biến gỗ, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy)                                                                                                                  | 1702 |
| 31. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                               | 6201 |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                           | 8230 |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                     | 4659 |
| 34. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                           | 9511 |
| 35. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                  | 4719 |

|     |                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá; Môi giới mua bán hàng hoá) | 4610 |
| 37. | Xuất bản phần mềm                                                                               | 5820 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                           | 4321 |
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                  | 7730 |
| 40. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                       | 2620 |
| 41. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                              | 2640 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                  | 4329 |
| 43. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                  | 4330 |
| 44. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                      | 4299 |
| 45. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                    | 4212 |
| 46. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                 | 4292 |
| 47. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                         | 3320 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐẶNG VŨ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040086022362

Ngày cấp: 23/01/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khối Phúc Lộc, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khối Phúc Lộc, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 05/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040086022362

Ngày cấp: 23/01/2024

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khối Phúc Lộc, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khối Phúc Lộc, Phường Vinh Tân, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 13/07/2024 đến ngày 12/08/2024

